

Số: 3965/TB-SVHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc lấy ý kiến Nhân dân về đặt tên đường trên địa bàn Quận 1, Quận 11, Quận 12, huyện Hóc Môn và điều chỉnh lý trình các đường trên địa bàn Quận 7, Quận 12

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (với sự có mặt của 13/19 thành viên) đã họp cho ý kiến về việc đặt 62 tên đường trên địa bàn Quận 1, Quận 11, Quận 12, huyện Hóc Môn và điều chỉnh lý trình 07 tuyến đường trên địa bàn Quận 7, Quận 12. Kết quả, có 13/13 thành viên thống nhất:

I. VỀ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, QUẬN 11, QUẬN 12 VÀ HUYỆN HÓC MÔN: 62 tên đường

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
QUẬN 1: 01 tên đường								
1	Hẻm số 12 Nguyễn Thị Minh Khai và hẻm số 5 Nguyễn Đình Chiểu	Quận 1	295,6	10	10	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Đình Chiểu	Phạm Khắc (1939 - 2007)
QUẬN 11: 01 tên đường								
1	Gồm 3 đoạn đường: (1) Đường Vành đai Đầm Sen	Quận 11	415,31	16	16	Đường Lạc Long Quân (đoạn từ đường Hòa Bình đến đường Xóm Đất)	Chùa Giác Viên	Giác Viên

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
	(2) Đường dự phóng		361	16	16	Chùa Giác Viên	Hẻm 152 Lạc Long Quân	
	(3) Hẻm 152 Lạc Long Quân		250	16 - 27	20	Đường dự phóng	Đường Lạc Long Quân (đoạn từ đường Xóm Đất đến đường Tân Hóa)	
QUẬN 12: 05 tên đường								
1	Tân Thới Hiệp 21	Quận 12	1,800	6	25	Quốc lộ 1 (nay là đường Đỗ Mười)	Dương Thị Mười	Nguyễn Trác (1904 - 1986)
2	Thạnh Xuân 25 và Thới An 16	Quận 12	3,340	6 - 10	16-30	Tô Ngọc Vân	Lê Văn Khương	Lê Quang Hòa (1914 - 1993)
3	Thới An 13	Quận 12	530	12	30	Lê Văn Khương	Lê Thị Riêng	Dương Thị Mạnh (1887 - 1948)
4	Đ4	Quận 12	455	12	16	Đ1	số nhà 31 đường Tân Thới Nhất 18	Phi Vân (1917 - 1977)
5	Đ8 (đường F)	Quận 12	1,069	8 - 16	16	Dương Thị Giang	Giáp ranh dự án Xây dựng khu tái định cư phường Tân Thới Nhất (khu 38ha)	Nguyễn Thị Lựu (1909 - 1988)

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
HUYỆN HÓC MÔN: 55 tên đường								
1	Bà Điểm 4	Huyện Hóc Môn	2,110	9	16	Bà Điểm 5	Rạch Cầu Sa	Phạm Thị Khế (1889 - 1959)
2	Tiền Lân 13	Huyện Hóc Môn	1,002	8	12	Lê Đức Anh	Tiền Lân 14G	Nguyễn Thị Hiệp (1902 - 1950)
3	Đông Thạnh 8	Huyện Hóc Môn	935	6	20	Lê Văn Khương	Đông Thạnh 7	Nguyễn Thị Mực (1905 - 1988)
4	Đông Thạnh 6	Huyện Hóc Môn	916	8	20	Đông Thạnh 4	Đông Thạnh 6-2	Trương Thị Trung (1880 - 1948)
5	Đông Thạnh 3	Huyện Hóc Môn	609	6	20	Đặng Thúc Vĩnh	Đông Thạnh 1-2	Nguyễn Thị Út (1897 - 1966)
6	Đông Thạnh 7	Huyện Hóc Môn	1,013	8	30	Trịnh Thị Dối	Cầu Bến Đá	Lê Thị Thìn (1903 - 1979)
7	Đông Thạnh 4	Huyện Hóc Môn	1,450	9	20	Đặng Thúc Vĩnh	Trịnh Thị Dối	Võ Thị Tới (1909 - 1973)
8	Nhị Bình 15	Huyện Hóc Môn	2,993	7,5	20-30	Đê bao sông Sài Gòn	Đê bao sông Bà Hồng	Trần Thị Hơ (1890 - 1980)
9	Nhị Bình 3	Huyện Hóc Môn	1,417	8	30	Bùi Công Trùng	Đê bao sông Sài Gòn	Thái Thị Mến (1912 - 1956)
10	Nhị Bình 18	Huyện Hóc Môn	895	6	16	Bùi Công Trùng	Cầu Kinh	Đặng Thị Sơn (1910 - 1973)
11	Tân Hiệp 4	Huyện Hóc Môn	1,307	6	20	Đỗ Văn Dậy	Hương lộ 65	Lý Thị Hương (1917 - 1946)

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
12	Tân Hiệp 16	Huyện Hóc Môn	890	6	16	Đỗ Văn Dậy	Tân Hiệp 18	Đặng Thị Thanh (1907 - 1979)
13	08-MH3	Huyện Hóc Môn	480	7	16	Tân Xuân - Trung Chánh 2	Tân Xuân 6	Lê Thị Trương (1900 - 1992)
14	Tân Xuân 2	Huyện Hóc Môn	1,039	6	20	Trung Mỹ - Tân Xuân	Tô Ký	Trương Thị Hai (1914 - 1998)
15	Tân Xuân 6	Huyện Hóc Môn	1,107	8	20	Trung Mỹ - Tân Xuân	Lê Quang Đạo	Trương Thị Lợi (1904 - 1989)
16	Tân Xuân- Trung Chánh 1	Huyện Hóc Môn	886	6	20	Trung Mỹ - Tân Xuân	Tô Ký	Phạm Thị Vàng (1909 - 1988)
17	Giác Đạo	Huyện Hóc Môn	932	8	16	Thương Mại 1	Trung Mỹ - Tân Xuân	Huỳnh Thị Nhỏ (1905 - 1964)
18	Xuân Thới 2 và Xuân Thới Sơn 20	Huyện Hóc Môn	919	9	16	Trần Văn Mười	Nguyễn Thị Thử	Phan Thị Lan (1914 - 1977)
19	Xuân Thới 3	Huyện Hóc Môn	872	9	16	Lê Quang Đạo	Trần Văn Mười	Nguyễn Thị Bảy (1902 - 1969)
20	Đường vào cụm 4 trường	Huyện Hóc Môn	168	20	20	Đường Song hành Quốc lộ 22	Ranh Trường Tiểu học Nguyễn An Ninh	Huỳnh Thị Ơi (1907 - 1989)
21	Xuân Thới Thượng 2	Huyện Hóc Môn	1,821	6	20	Kênh Trung Ương	Xuân Thới Thượng 4	Trịnh Thị Dần (1912 - 1991)

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
22	Xuân Thới Thượng 1	Huyện Hóc Môn	2,095	9	20	Nguyễn Văn Búra	Xuân Thới Thượng 2	Nguyễn Thị Bén (1910 - 1935)
23	Xuân Thới Thượng 9	Huyện Hóc Môn	974	9	20	Phan Văn Hón	Xuân Thới Thượng 8	Nguyễn Thị Nối (1910 - 1967)
24	Xuân Thới Thượng 4	Huyện Hóc Môn	4,040	6	20	Phan Văn Hón	Đường Kênh T1	Lê Thị Đồ (1917 - 1982)
25	Xuân Thới Thượng 6	Huyện Hóc Môn	1,158	9	20	Trần Văn Mười	Nguyễn Thị Thử	Lê Thị Mai (1909 - 1986)
26	Bà Điểm 10	Huyện Hóc Môn	768	7	14	Phan Văn Hón	Thái Thị Giữ	Hà Thị Thảng (1901 - 1946)
27	Bắc Lân 2	Huyện Hóc Môn	627	10	12	Nguyễn Thị Sóc	Bà Điểm 3	Nguyễn Thị Bầy (1917 - 2012)
28	Bà Điểm 3	Huyện Hóc Môn	584	6	15	Nguyễn Thị Sóc	Xuân Thới Thượng 8	Cao Thị Cách (1915 - 1983)
29	Bà Điểm 11	Huyện Hóc Môn	1,356	9	14	Bà Điểm 8	Lê Quang Đạo	Trần Thị Cát (1922 - 2009)
30	Bà Điểm 2	Huyện Hóc Môn	600	6	16	Nguyễn Thị Sóc	Xuân Thới Thượng 8	Phạm Thị Hy (1903 - 1984)
31	Bà Điểm 12	Huyện Hóc Môn	708	6	14	Thái Thị Giữ	Lê Đức Anh	Đặng Thị Tám (1885 - 1979)
32	Đông Thạnh 2-1	Huyện Hóc Môn	700	6	12	Huỳnh Thị Na	Nguyễn Thị Điệp	Võ Thị Lùng (1922 - 1959)

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
33	Đường vào trường Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	785	8	13	Đông Thạnh 2-5	Đông Thạnh 3-1	Nguyễn Thị Be (1920 - 1982)
34	Đông Thạnh 2-5 và nhánh - xã Đông Thạnh	Huyện Hóc Môn	366	8	13	Huỳnh Thị Na	Đường Nội Đồng	Nguyễn Thị Chôn (1915 - không rõ năm mất)
35	Đông Thạnh 6 và Đông Thạnh 6-1	Huyện Hóc Môn	696	7,5	12m (đoạn thuộc DT 6-1), 20m (đoạn thuộc DT6)	Lê Văn Khương	Trịnh Thị Dối	Nguyễn Thị Dể (1903 - 1982)
36	Đông Thạnh 4-1, Đông Thạnh 5	Huyện Hóc Môn	654	8	12m (đoạn thuộc DT 4-1), 20m (đoạn thuộc DT5)	Đông Thạnh 4-2	Đặng Thúc Vĩnh	Nguyễn Thị Tạo (Không rõ năm sinh - năm mất)
37	Đông Thạnh 7-3	Huyện Hóc Môn	840	8	12	Trịnh Thị Dối	Đông Thạnh 7	Phạm Thị Tôm (1921 - 2004)
38	Đông Thạnh 7-4	Huyện Hóc Môn	620	5	12	Bùi Công Trùng	Đông Thạnh 7	Nguyễn Thị Đệt (1927 - 2004)
39	Nhị Bình 6	Huyện Hóc Môn	807	6	16	Bùi Công Trùng	Nhị Bình 3	Huỳnh Thị Xe (1920 - 1954)
40	KP1-03	Huyện Hóc Môn	543	5	12	Quang Trung	Bà Triệu	Lê Thị Ri (1908 - 1943)

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
41	KP1-01	Huyện Hóc Môn	389	5	12	Lý Thường Kiệt	Bà Triệu	Lê Thị Tam (1912 - 1945)
42	Thới Tam Thôn 12	Huyện Hóc Môn	739	9	16	Đặng Thúc Vĩnh	Nguyễn Thị Sáu	Phùng Thị Chuyên (1903 - 1976)
43	Thới Tam Thôn 7	Huyện Hóc Môn	982	9	16	Trịnh Thị Miếng	Trần Thị Bốc	Nguyễn Thị Nghé (1906 - 1937)
44	Mỹ Huệ 4	Huyện Hóc Môn	287	6	12	Mỹ Huệ	Thiên Quang	Hồ Thị Đò (1898 - 1990)
45	Xuân Thới 8	Huyện Hóc Môn	653	8	16	Trần Văn Mười	Võ Thị Hồi	Trần Thị Đứng (1922 - 1961)
46	Xuân Thới 23	Huyện Hóc Môn	506	9	16	Trần Văn Mười	Xuân Thới 15	Phạm Thị Mẫn (1893 - 1975)
47	Xuân Thới 5	Huyện Hóc Môn	720	6	16	Trần Văn Mười	Tân Tiến 8	Lê Thị My (1879 - 1942)
48	XTS 18	Huyện Hóc Môn	719	8	14	Nguyễn Văn Bứa	Lê Thị Kim	Lê Thị Sẻ (1901 - 1933)
49	Xuân Thới Thượng 27 và Xuân Thới Thượng 4-4	Huyện Hóc Môn	905	6	12m (đoạn thuộc XTT 4-4), 14m (đoạn thuộc XTT 2-7)	Xuân Thới Thượng 4	Ranh dự án DIC	Lý Thị Nê (1924 - 2008)
50	Xuân Thới Thượng 19	Huyện Hóc Môn	676	6	14	Dương Công Khi	Xuân Thới Thượng 1	Trần Thị Nhờ (1914 - 1997)

TT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Mặt cắt ngang hiện trạng	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
51	Xuân Thới Thượng 31	Huyện Hóc Môn	933	9	14	Đường Trần Văn Mười	Ranh dự án 1/500	Nguyễn Thị Ra (1901 - 1966)
52	Xuân Thới Thượng 17	Huyện Hóc Môn	620	9	14	Dương Công Khi	Xuân Thới Thượng 1	Huỳnh Thị Thiều (1916 - 1997)
53	Xuân Thới Thượng 7	Huyện Hóc Môn	804	9	20	Trần Văn Mười	Xuân Thới Thượng 8	Nguyễn Thị Tiểu (1908 - 1970)
54	Trung Mỹ - Tân Xuân	Huyện Hóc Môn	2,885	8	20	Lê Quang Đạo	Nguyễn Ảnh Thủ	Nguyễn Thị Ai (1900 - 1956)
55	Xuân Thới Sơn 22 - Xuân Thới 6	Huyện Hóc Môn	1,218	8	16m (đoạn thuộc Xuân Thới 6); 20m (đoạn thuộc XTS 22)	Trần Văn Mười	Nguyễn Thị Thử	Nguyễn Thị Chuỗi (1897 - 1980)

II. VỀ ĐIỀU CHỈNH LÝ TRÌNH TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 7, QUẬN 12: 07 tuyến đường

STT	Tuyến đường	Địa bàn	Lý trình cũ		Lý trình bổ sung		Lý trình sau khi điều chỉnh	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối
QUẬN 7: 06 tuyến đường								
1	Bế Văn Cầm	Quận 7	Đường Trần Xuân Soạn	Rạch Song Tân	Đoạn 1 (Đường số 10)		Đường Trần Xuân Soạn	Đường Nguyễn Thị Thập
					Rạch Song Tân	Rạch Bàn Đôn		
					Chiều dài: 967m			

STT	Tuyến đường	Địa bàn	Lý trình cũ		Lý trình bổ sung		Lý trình sau khi điều chỉnh	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối
					Hiện trạng mặt cắt ngang: 14m - 16m Lộ giới: 20m.			
				Đoạn 2 (Đường số 38)				
				Rạch Bàn Đôn	Đường Nguyễn Thị Thập			
				Chiều dài: 143m Hiện trạng mặt cắt ngang: 14m Lộ giới: 20m				
			Chiều dài: 283m Hiện trạng mặt cắt ngang: 12m Lộ giới: 20m		Chiều dài: 1.110m Hiện trạng mặt cắt ngang: 14m - 16m Lộ giới: 20m		Chiều dài: 1.393m Hiện trạng mặt cắt ngang: 12m - 16m Lộ giới: 20m	
2	Hoàng Trọng Mậu	Quận 7	Đường D4	Rạch Bàng	Đoạn 1 (Đường số 1)		Đường Trần Xuân Soạn	Đường Nguyễn Văn Linh
					Đường Trần Xuân Soạn	Đường D4		
					Chiều dài: 706m Hiện trạng mặt cắt ngang: 35 m Lộ giới: 35m			
					Đoạn 2 (đường nhựa)			
					Rạch Bàng	Đường Nguyễn Văn Linh		
					Chiều dài: 1098m; Hiện trạng mặt cắt ngang: 35 m Lộ giới: 35m			
					Chiều dài: 940m Hiện trạng mặt cắt ngang: 35m Lộ giới: 35m			
Chiều dài: 2.744m Hiện trạng mặt cắt ngang: 35m Lộ giới: 35m								

STT	Tuyến đường	Địa bàn	Lý trình cũ		Lý trình bổ sung		Lý trình sau khi điều chỉnh	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối
3	Đặng Đại Độ	Quận 7	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường số 2	Đường Đặng Đại Độ	Đường Phạm Văn Nghị	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phạm Văn Nghị
			Chiều dài: 420m Hiện trạng mặt cắt ngang: 17.5m Lộ giới: 17.5m		Chiều dài: 384m Hiện trạng mặt cắt ngang: 17.5m Lộ giới: 17.5m		Chiều dài: 804m Hiện trạng mặt cắt ngang: 17.5m Lộ giới: 17.5 m	
4	Huỳnh Tấn Phát	Quận 7 và huyện Nhà Bè	Đường Trần Văn Khánh (ngay Vòng xoay Cầu Tân Thuận)	Bến Phà Bình Khánh	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Trần Văn Khánh (ngay Vòng xoay Cầu Tân Thuận)	Đường Trần Xuân Soạn	Bến phà Bình Khánh
			Chiều dài: 11.615m Hiện trạng mặt cắt ngang: 17m - 30m Lộ giới: 30m		Chiều dài: 208m Hiện trạng mặt cắt ngang: 16 m Lộ giới: 30m		Chiều dài: 11.823m Hiện trạng mặt cắt ngang: 16m - 30 m Lộ giới: 30m	
5	Võ Thị Nhờ	Quận 7	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường số 5	Đường số 5	Đường số 2	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường số 2
			Chiều dài: 394 m Hiện trạng mặt cắt ngang: 14m Lộ giới: 14m		Chiều dài: 387m Hiện trạng mặt cắt ngang: 14m Lộ giới: 14m		Chiều dài: 781m Hiện trạng mặt cắt ngang: 14m Lộ giới: 14m	
6	Trần Trọng Cung	Quận 7	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường số 2	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Quý	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Nguyễn Văn Quý
			Chiều dài: 659m Hiện trạng mặt cắt ngang: 24m Lộ giới: 24m		Chiều dài: 259m Hiện trạng mặt cắt ngang: 24m. Lộ giới: 24m		Chiều dài: 918m Hiện trạng mặt cắt ngang: 24m. Lộ giới: 24 m	
QUẬN 12: 01 tuyến đường								
	Nguyễn Thị Nhuận	Quận 12	Đường Quốc lộ 1 (nay là đường Đỗ	Hà Huy Giáp	Tên đường hiện hữu An Lộc, chưa có văn bản đặt tên đường		Quốc lộ 1 (nay là đường Đỗ Mười)	Cầu Tầm Du

STT	Tuyến đường	Địa bàn	Lý trình cũ		Lý trình bổ sung		Lý trình sau khi điều chỉnh	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối
			Mười)		Đường Hà Huy Giáp	Cầu Tầm Du		
1			Chiều dài: 1.400m Hiện trạng mặt cắt ngang: 12m Lộ giới: 12m		Chiều dài: 310m Hiện trạng mặt cắt ngang: 12m Lộ giới: 12m		Chiều dài: 1.710m Hiện trạng mặt cắt ngang: 12m. Lộ giới: 12 m	

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (Ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ): "...Cần công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng để nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm..."

Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh công khai dự kiến đặt 62 tên đường trên địa bàn Quận 1, Quận 11, Quận 12, huyện Hóc Môn và điều chỉnh lý trình 07 tuyến đường trên địa bàn Quận 7, Quận 12 để Nhân dân tham gia góp ý.

Ý kiến góp ý của Nhân dân đề nghị gửi về Sở Văn hóa và Thể thao (số 164 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1; điện thoại: 028.38224053 - số nội bộ 133) hoặc qua hộp thư điện tử của Phòng Di sản văn hoá (dsvh.svhtt@tphcm.gov.vn) đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2025.

(Đính kèm Tiểu sử các nhân vật dự kiến đặt tên, đề xuất điều chỉnh lý trình và sơ đồ vị trí các tuyến đường dự kiến đặt tên, tuyến đường điều chỉnh lý trình)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở VH TT (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.DSVH.HP(03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Nhựt



TÓM TẮT

TIỂU SỬ CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ, DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỀ XUẤT ĐẶT TÊN ĐƯỜNG VÀ ĐIỀU CHỈNH LÝ TRÌNH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Đính kèm theo Thông báo số 3965 /TB-SVHTT ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Sở Văn hóa và Thể thao)

A. TÓM TẮT TIỂU SỬ CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ, DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỀ XUẤT ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, QUẬN 11, QUẬN 12 VÀ HUYỆN HÓC MÔN

I. QUẬN 1

1. Phạm Khắc (1939 - 2007)

Nghệ sĩ Nhân dân, Anh hùng Lao động, nguyên Giám đốc Đài Truyền hình
Thành phố Hồ Chí Minh.

Quê quán: xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Tên gọi khác: Phạm Tân Phước, Lê Minh

Sự nghiệp: Năm 1949, ông tham gia cách mạng.

Năm 1981, ông Được bầu vào Hội đồng nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh.

Năm 1991, ông là Phó Giám đốc Đài Truyền hình Thành phố
Hồ Chí Minh, Giám đốc Hãng phim Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1996, ông là Giám đốc Đài truyền hình Hồ Chí Minh.

Nghệ sĩ nhân dân Phạm Khắc là một nhà nhiếp ảnh, đồng thời là một nhà
quay phim nổi tiếng. Ông từng tham gia quay các bộ phim như: “Chiến thắng
Đồn Cây Diệp”, “Chiến thắng Bình Giã” (giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu
1965), “Đồng Xoài rực lửa”, “Chiến thắng Tây Ninh”, “Trận đánh ngã ba Bà
Chim”, “Chiến đấu trên đường phố Sài Gòn” (Mậu Thân 1968), “Hà Nội – cuộc
đọ sức 5 ngày” (Giải nhất báo chí và giải nhất nghệ thuật tại Liên hoan phim
quốc tế Praha năm 1972), “Hà Nội – Điện Biên Phủ” (Giải Bông sen Bạc quốc
gia Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 2 năm 1972), “Hòn đảo ngọc” (Giải Bông
sen Bạc Liên hoan phim Việt Nam lần 4 năm 1977), “Bến Tre những đảo dừa
xanh”, “Chuyện kể nàng Sarét”, “Khi đàn sếu trở về”,...

Đặc biệt, bộ phim “Mê Kông ký sự” (92 tập, đoạt giải Cánh diều vàng cho phim tài liệu truyền hình năm 2006) của Hãng phim Truyền hình (TFS) do ông chủ biên và tổng đạo diễn đã tạo tiền vang lớn trong nước và khu vực Đông Nam Á.

Nghệ sỹ Nhân dân - Anh hùng Lao động Phạm Khắc là một trong những người lãnh đạo, quản lý xuất sắc, năng động và sáng tạo. Ông làm Phó Giám đốc Đài từ năm 1981, làm Giám đốc Đài từ năm 1996 đến năm 2002. Ông có công rất lớn đưa Đài Truyền hình vượt qua nhiều khó khăn trong những ngày đầu tiên và xây dựng Đài trở thành đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2001), đào tạo cho ngành truyền hình một đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm, những nghệ sỹ có tay nghề giỏi, đã và đang đóng góp nhiều thành quả xuất sắc cho xã hội.

Như vậy, qua 44 năm (1964 - 2007) gắn bó với sự nghiệp điện ảnh, truyền hình cách mạng Việt Nam nói chung và 32 năm (1975 - 2007) đồng hành với công cuộc xây dựng và phát triển Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, Cố Nghệ Sỹ Nhân dân - Anh hùng Lao động Phạm Khắc đã có nhiều đóng góp to lớn cho xã hội.

Ông đã được Đảng và Nhà nước phong tặng Huân chương độc lập hạng III, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng I, Huân chương kháng chiến hạng I, Huân chương chiến công hạng III (Trận Bình Giã), Huân chương chiến công hạng II (Trận Mậu Thân 1968), Huân chương giải phóng hạng I, danh hiệu Nghệ sỹ Ưu tú (1984), danh hiệu Nghệ sỹ Nhân dân (1997), danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (2000), Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng và nhiều khen thưởng cao quý khác.

Nghệ sỹ Nhân dân Phạm Khắc được phong tặng danh danh hiệu Nghệ sỹ Ưu tú (năm 1984), danh hiệu Nghệ sỹ Nhân dân (năm 1997) và danh hiệu Anh hùng Lao động (2000).

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 5484/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

II. QUẬN 11

1. Giác Viên

Di tích lịch sử - văn hóa.

Tên ngôi chùa cổ thuộc Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1988.

Di tích lịch sử - văn hóa được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

III. QUẬN 12

1. Nguyễn Trác (1904 - 1986)

Nhà hoạt động cách mạng. Phó Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ.

Quê quán: Xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Năm 1927, Ông thoát li gia đình vào Sài Gòn - Gia Định làm công nhân cho hãng buôn Charner.

Năm 1928, Ông tham gia tổ chức Công hội ở hãng Charner. Năm 1930, Ông được kết nạp vào Đảng tại chi bộ hãng Charner - một chi bộ Đảng trực thuộc Thành ủy Sài Gòn - Gia Định. Ông được phân công làm thư kí Chi hội Công hội.

Năm 1931, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, Ông tham gia đấu tranh ra yêu sách đòi cải thiện đời sống, giảm giờ làm cho anh em công nhân. Vì vậy, Ông bị bắt giam vào bót Catina. Tại đây, dù bị bọn mật thám tra tấn rất dã man nhưng Ông vẫn nhất mực không khai báo.

Tháng 5 năm 1933, ông bị kết án 10 năm tù và bị đày đi Côn Đảo.

Năm 1936, sau khi ra tù, trở về đất liền, ông được cử làm Ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ và được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam.

Cuối năm 1937, đồng chí được bầu làm Phó Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ.

Ngày 15/11/1938, ông bị địch bắt và bị kết án 1 năm tù. Sau đó chúng nâng lên thành 5 năm tù giam vì tội tổ chức lại Đảng, âm mưu lật đổ chính quyền. Địch giải ông qua các nhà lao Hội An, Qui Nhơn, Buôn Mê Thuột.

Tháng 7/1945, ra tù, ông về lại Quảng Nam và tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông được bầu làm Bí thư Thành ủy, Ủy viên thường trực Thành bộ Việt Minh Đà Nẵng, Phó Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa thành phố Đà Nẵng.

Từ năm 1946 đến năm 1954, ông là Chánh án Tòa án quân sự khu vực Thuận Hóa, Giám đốc Sở Tư pháp Liên khu IV, Công tố ủy viên của Tòa án nhân dân Liên khu 4.

Năm 1958, ông là Thứ trưởng Bộ Tư pháp. Từ năm 1960 đến năm 1966, ông là Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Ủy viên, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Pháp chế Trung ương.

Năm 1979, ông nghỉ hưu. Ông mất năm 1986.

Với những đóng góp to lớn, ông được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương Sao Vàng (29/3/2013), Huân chương Hồ Chí Minh (3/2004) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Lê Quang Hòa (1914 - 1993)

Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ quốc phòng.

Quê xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Năm 1938, Ông tham gia đoàn thanh niên dân chủ Hà Nội.

Tháng 12/1939, Ông bị thực dân Pháp bắt kết án 5 năm tù, đày đi Sơn La.

Tháng 3/1945, Ông vượt ngục, tham gia ban cán sự tỉnh Sơn Tây.

Năm 1949, Ông giữ chức vụ chính ủy, Bí thư đảng ủy mặt trận Trung Du.

Năm 1950 - 1955, Ông giữ chức vụ Cục trưởng Cục Quân Huấn Bộ Tổng tham mưu.

Năm 1957 - 1960, Ông giữ chức Bí thư đảng ủy Trường Sĩ quan Lục quân 2.

Năm 1963 - 1967, Ông giữ chức Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị, Bí thư đảng ủy Quân khu 4.

Năm 1973, Ông là trưởng đoàn quân sự Miền Bắc trong ban Liên hiệp quân sự bốn bên.

Năm 1975, Ông là phái viên của ban thường vụ Quân ủy Trung ương ở Huế, Phó chính ủy, ủy viên thường trực Quân giải phóng Miền Nam. Sau đó, là Phó chính ủy chiến dịch Hồ Chí Minh, trực tiếp tham gia lãnh đạo chỉ huy cánh quân hướng Đông.

Năm 1976, Phó chủ nhiệm Tổng Cục Chính trị. Năm 1980, Ông giữ chức thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Thanh tra Quân đội.

Ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IV và được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006.

3. Dương Thị Mạnh (1887 - 1948)

Liệt sĩ, Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp 5, Khu phố 2, Quận 12.

Mẹ là Liệt sĩ.

Mẹ có 2 người con gái là Liệt sĩ, gồm:

1. Con, Liệt sĩ Nguyễn Thị Hiến, hy sinh ngày 23/2/1948, tại An Phú Đông.

2. Con, Liệt sĩ Nguyễn Thị Tươi, hy sinh ngày 23/2/1948, tại An Phú Đông.

Mẹ lập gia đình cùng ông Nguyễn Văn Khuê, sinh được 4 người con (1 trai và 3 gái). Mẹ và 2 con gái tham gia công tác hậu cần, nuôi giấu cán bộ,

bộ đội tại địa phương. Mẹ và 2 con hy sinh cùng một ngày 23/2/1948, tại An Phú Đông do bị Việt gian chỉ điểm.

Mẹ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Phi Vân (1917 - 1977)

Nhà văn

Tên thật là Lâm Thế Nhơn, quê quán tại tỉnh Bạc Liêu.

Thuở nhỏ, Ông học ở quê nhà, sau lên học trường Trung học Cần Thơ (Collège de CanThơ).

Sau đó, Ông đã gắn bó với những tờ báo tiền bộ như Tiếng Chuông, Dân Chúng, Tiếng Dân.

Trong sự nghiệp sáng tác văn học, Ông nổi tiếng qua các tác phẩm viết về nông thôn Nam Bộ như: Đồng Quê (năm 1942), Dân Quê (năm 1949), Tình quê (năm 1949). Trong đó tác phẩm Đồng quê in năm 1942 được giải nhất của Hội khuyến học Cần Thơ năm 1943.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006.

5. Nguyễn Thị Lựu (1909 - 1988)

Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Quê quán: Làng Hòa An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

Tên thật: Đỗ Thị Thương.

Quá trình hoạt động cách mạng: Bà tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội năm 1928, được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng vào cuối năm 1929 tại Phong Hòa, Cần Thơ.

Đầu năm 1931, trên cương vị Thường vụ Tổng công hội đỏ Xứ ủy Nam Kỳ, bà bị giặc bắt giam ở bót Pôlô (*Chợ Lớn*). Năm 1936, bà được trả tự do và được bầu vào Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội.

Đầu tháng 9/1939, bà bị thực dân Pháp bắt giam lần thứ 2 ở nhà tù Phú Mỹ (*Thị Nghè - Gia Định*).

Ngày 09/3/1945, bà cùng một số đồng chí ở trại tù Bà Rá vượt ngục về Sài Gòn, tham gia hoạt động, vận động quần chúng ủng hộ Mặt trận Việt Minh lãnh đạo thắng lợi Tổng khởi nghĩa ngày 25/8/1945.

Năm 1946, bà công tác ở Tỉnh ủy Châu Đốc, tham gia Ban dân vận thị xã Châu Đốc, bà giữ các nhiệm vụ: Trưởng ban Phụ vận Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1949; tham gia phong trào bảo vệ hoà bình Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách Tiểu ban đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, năm 1954; gia nhập Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Ban Mặt trận Trung ương năm 1959; Vụ trưởng Vụ quốc tế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, năm 1960; Phó Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, năm 1961; Đại biểu Quốc hội các khóa IV, V, VI.

Sau ngày giải phóng 30/4/1975, bà đảm nhận chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban thống nhất của Quốc hội, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nghỉ hưu tháng 7/1979 và mất năm 1988.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 5351/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016.

IV. HUYỆN HÓC MÔN

1. Phạm Thị Khế (1889 - 1959)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Cao Văn Sơ.
2. Con, Liệt sĩ Cao Văn Mướp, hy sinh trong kháng chiến chống Pháp.
3. Con, Liệt sĩ Cao Văn Đức, Sư đoàn 307, hy sinh (không có thông tin).

Thông tin về Mẹ: Mẹ làm nghề buôn bán cỏ ngựa, lấy từ sông Vàm cỏ về Hóc Môn bán và trồng cau trầu. Người dân địa phương thường gọi Mẹ là Bà Tám Khế hoặc Bà 10 Cỏ. Trong kháng chiến chống Pháp, Mẹ làm công tác giao liên.

Quyết định truy tặng số 1212 KT/CTN, ngày 28/4/1997.

Địa chỉ thờ cúng: 117/5 Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Võ Văn Nở - Cháu cố.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Nguyễn Thị Hiệp (1902 - 1950)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ :

1. Liệt sĩ Bùi Văn Hai, hy sinh năm 1947.

2. Liệt sĩ Bùi Văn Sáu, hy sinh năm 1948.

3. Liệt sĩ Bùi Thị Năm, làm công tác giao liên, hy sinh năm 1947, tại Thành ông Năm (Hóc Môn)

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia làm công tác giao liên và nuôi giấu cán bộ.

Quyết định truy tặng số 288 KT/CTN, ngày 14/7/2000.

Địa chỉ thờ cúng: 2/3 Ấp Trung Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Bùi Thị Bảy - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Nguyễn Thị Mực (1905 - 1988)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thi, cán bộ ban kinh tài, hy sinh năm 1951.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, nhà Mẹ là cơ sở in truyền đơn cách mạng và Mẹ nuôi giấu bộ đội. Khi con Mẹ hy sinh, Mẹ xin người cháu ruột về nuôi.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 32/5 Ấp 5, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Neo - Con nuôi.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Trương Thị Trung (1880 - 1948)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khâu, tham gia cách mạng năm 1947, Tiểu đội trưởng thuộc đơn vị B50, liên trung đoàn 306 - 312, hy sinh ngày 09/4/1949.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Côi, sinh năm 1915, tham gia cách mạng năm 1945, hy sinh năm 1961.

3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cà, sinh năm 1917, tham gia cách mạng năm 1947, hy sinh năm 1948.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 10 con, trong đó có 3 con là Liệt sĩ. Trong kháng chiến, nhà Mẹ là nơi tập hợp lực lượng của bộ đội.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 9/4 Ấp 5, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Nhịn - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Nguyễn Thị Út (1897 - 1966)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Dè, sinh năm 1929, tham gia kháng chiến năm 1960, hy sinh năm 1963.

2. Liệt sĩ Trần Văn Hôi, sinh năm 1933, tham gia kháng chiến năm 1952, hy sinh năm 1968.

3. Liệt sĩ Trần Văn Tập, sinh năm 1923, hy sinh năm 1968.

Thông tin về Mẹ: Năm 1922, Mẹ lập gia đình và theo chồng về xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn sinh sống và sinh được 4 con (3 trai, 1 gái). Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là cơ sở hoạt động bí mật và nuôi giấu cán bộ cách mạng tại địa phương.

Quyết định truy tặng số 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 8/18 Ấp 2, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Trần Thị Trầu - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Lê Thị Thìn (1903 - 1979)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Phạm Văn Trôm, hy sinh năm 1948 tại Củ Chi.

2. Con, Liệt sĩ Phạm Văn Cung, sinh năm 1931, hy sinh ngày 17/5/1966 tại Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi.

3. Con, Liệt sĩ Phạm Văn Út (Tự Hòa), hy sinh ngày 23/12/1969 tại Tỉnh Sông Bé.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 4 người con, 3 trai, 1 gái. Trong kháng chiến, gia đình Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 8/22 Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phạm Văn Học - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Võ Thị Tới (1909 - 1973)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lâm Văn Hoàn, sinh năm 1931, hy sinh năm 1957.
2. Liệt sĩ Lâm Văn Ton, sinh năm 1936, hy sinh 24/12/1962 (âm lịch).
3. Liệt sĩ Lâm Văn Lập, sinh năm 1941, hy sinh năm 1967.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ làm công tác giao liên, tiếp tế lương thực cho bộ đội và du kích. Ngoài ra, nhà Mẹ là cơ sở tập trung của bộ đội để chuẩn bị qua sông Rạch Tra, do vậy nhà Mẹ bị giặc đốt phá nhiều lần. Mẹ từng bị giặc bắt và tra tấn rất dã man.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 8/32 Ấp 5, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Lâm Văn Nghiệp - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

8. Trần Thị Hơn (1890 - 1980)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng

Quê quán: Xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đặng Văn Mười, sinh năm 1937, hy sinh năm 1964.
2. Liệt sĩ Đặng Văn Đô, sinh năm 1930, hy sinh năm 1950.
3. Liệt sĩ Đặng Văn Ngời, sinh năm 1932, hy sinh 1967.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 6 người con, trong đó có 3 người là liệt sĩ. Chồng Mẹ là ông Đặng Văn Lắm. Sinh thời, Mẹ sinh sống bằng nghề làm ruộng và giúp đỡ các cơ sở cách mạng.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 4/4 Ấp 2, Xã Nhị Bình, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Đặng Văn Một - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Thái Thị Mến (1912 - 1956)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Bùi Văn Thiên, hy sinh ngày 20/10/1951.
2. Con, Liệt sĩ Bùi Văn Thăng, sinh năm 1938, hy sinh tháng 7/1968.
3. Con, Liệt sĩ Bùi Văn Muôn, sinh năm 1942, hy sinh tháng 12/1963.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ cùng chồng tiếp tế lương thực cho du kích và bộ đội.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994

Địa chỉ thờ cúng: 16/4 Ấp 1, Xã Nhị Bình, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Bùi Thị Một - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Đặng Thị Sơn (1910 - 1973)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sơn, hy sinh năm 1968.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là cơ sở nuôi giấu cán bộ cách mạng. Do tuổi cao, bệnh tật Mẹ đã qua đời năm 1973.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 18/1 Ấp 2, Xã Nhị Bình, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Rót - Con dâu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

11. Lý Thị Hương (1917 - 1946)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp Láng Chà, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 04 con là Liệt sĩ :

1. Liệt sĩ Lê Văn Tý, hy sinh ngày 15/7/1967.
2. Liệt sĩ Lê Văn Lê, hy sinh ngày 31/7/1964.
3. Liệt sĩ Lê Văn Nhạn (Tự Giò), hy sinh ngày 30/1/1969.
4. Liệt sĩ Lê Thị Lựu, hy sinh ngày 15/6/1969.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến chống Pháp, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ. Mẹ bị giặc bắn chết khi chúng đi càn.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: Ấp Láng Chà, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Lê Minh Tư - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

12. Đặng Thị Thanh (1907 - 1979)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhật, hy sinh năm 1952.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bảy, hy sinh 1966.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Quang, hy sinh 1965.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 8 người con, trong đó có 3 người là liệt sĩ. Trong kháng chiến, Mẹ từng nuôi giấu cán bộ cách mạng.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 23/3 Ấp Thới Tây 1, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Phụng - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

13. Lê Thị Trương (1900 - 1992)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Biên, sinh năm 1919, hy sinh năm 1947.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tạo, sinh năm 1922, hy sinh 1949.
3. Liệt sĩ Nguyễn Phát Hồng, sinh năm 1937, hy sinh 1970.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 6 người con, trong đó có 3 con là liệt sĩ. Sinh thời, Mẹ sinh sống bằng nghề làm ruộng. Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là cơ sở của cách mạng, Mẹ từng bị địch bắt đánh đập, bắt mẹ phải lao động khổ sai xây dựng ấp chiến lược.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 15/1 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phan Thanh Lin - Cháu ngoại.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

14. Trương Thị Hai (1914 - 1998)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bông, sinh năm 1951, hy sinh năm 1968.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Mẹ sinh sống bằng nghề buôn bán.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 19/3 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Chi - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

15. Trương Thị Lợi (1904 - 1989)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ: Trần Văn Mười, sinh năm 1924, hy sinh năm 1969.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh sống bằng nghề làm ruộng. Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ.

Quyết định truy tặng số 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 27/4 Ấp Mới 1, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Trần Thị Nước - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

16. Phạm Thị Vàng (1909 - 1988)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp Mỹ Huê, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 02 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Lê Văn Huỳnh, hy sinh trong kháng chiến chống Pháp.
2. Con, Liệt sĩ Lê Văn Bắc, hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ, tiếp tế lương thực cho bộ đội. Sau ngày giải phóng, Mẹ ở với gia đình anh Phạm Hồng Thái (Cháu ruột). Anh Thái tham gia bộ đội năm 1984 chiến đấu chiến trường Campuchia đến năm 1987.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 32/3 Ấp Mỹ Huê, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phạm Hồng Thái - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

17. Huỳnh Thị Nhỏ (1905 - 1964)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 05 người con là Liệt sĩ :

1. Liệt sĩ Lê Văn Giáp, sinh năm 1925, hy sinh năm 1974.
2. Liệt sĩ Lê Văn Mông, sinh năm 1937, hy sinh tháng 12/1968.
3. Liệt sĩ Lê Văn Tăng, hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.
4. Liệt sĩ Lê Văn O, sinh năm 1946, hy sinh tháng 5/1968.
5. Liệt sĩ Lê Văn Đức, sinh năm 1936, hy sinh ngày 02/3/1969.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 10 người con (3 gái, 7 trai), 05 người con trai đã tham gia cách mạng và đều hy sinh. Sinh thời, Mẹ buôn bán nhỏ để sinh sống và nuôi con. Trong kháng chiến, nhà Mẹ đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng và làm công tác giao liên.

Quyết định truy tặng số QĐ 522 KT/CTN, ngày 27/8/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 71/42 Ấp Mỹ Hòa 1, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Lê văn Dư - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

18. Phan Thị Lan (1914 - 1977)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đức, sinh năm 1944, đại đội phó thuộc đơn vị Tiểu đoàn 2 Quyết Thắng. Năm 1961, Anh bị giặc bắt và tra tấn nhiều lần, vì tham gia rải truyền đơn tại địa phương, nhưng không khai thác được thông tin, chúng đành trả tự do cho anh. Anh hy sinh trong trận đánh vào đồn ở Xã An Phú Đông và Xã Thạnh Lộc.

Thông tin về Mẹ: Sinh thời, Mẹ sinh sống bằng nghề đan giỏ. Trong kháng chiến, Mẹ tham gia công tác dân vận, vận động bà con đóng góp lương thực, thuốc men... để nuôi quân. Ngoài ra, Mẹ còn đào hầm bí mật nuôi giấu, che chở cho bộ đội hoạt động an toàn.

Quyết định truy tặng số 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 37/3 Ấp 3, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phan Thị Bích Liễu - Cháu cố.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

19. Nguyễn Thị Bảy (1902 - 1969)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 04 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Văn Công Diện, tham gia cách mạng năm 1940, công tác tại Ủy Ban hành chính xã Tân Xuân, hy sinh tại ấp Xuân Thới Thới Đông vào tháng 8/1948.

2. Con, Liệt sĩ Văn Công Phi, sinh năm 1923, hy sinh tháng 11/1946.

3. Con, Liệt sĩ Văn Công No, sinh năm 1931, hy sinh tháng 6/1954.

4. Con, Liệt sĩ Văn Công Xem, hy sinh năm 1947.

Thông tin về Mẹ: Mẹ có 04 người con, trong đó có 3 người là Liệt sĩ. Trong kháng chiến, Mẹ cùng chị Văn Thị Út (con gái út) đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, đoàn thể dân quân du kích xã Tân Xuân.

Quyết định truy tặng số 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 31/4 Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Thảo - Cháu ngoại.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

20. Huỳnh Thị Oì (1907 - 1989)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ gồm:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhựt, sinh năm 1935, hy sinh tháng 02/1968.

2. Liệt sĩ Nguyễn Dân Quốc, sinh năm 1940, hy sinh tháng 01/1968.

3. Liệt sĩ Nguyễn Dân Hòa, sinh năm 1946, hy sinh năm 1966.

Thông tin về Mẹ: Mẹ có tất cả 6 người con trong đó có 3 con là liệt sĩ. Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là cơ sở nuôi giấu cán bộ, Mẹ thường xuyên vận động bà con ủng hộ tiền, lương thực cho cách mạng. Mỗi lần đi làm rẫy, Mẹ cùng chồng thường xuyên nắm tình hình của giặc, để tổ chức đưa cán bộ đi công tác hoặc chuyển gạo, nhu yếu phẩm cần thiết đến căn cứ cách mạng an toàn

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 15/1 Khu phố 2, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Vân - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

21. Trịnh Thị Dần (1912 - 1991)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ gồm:

1. Liệt sĩ Trần Văn Ba, hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, tại Mỹ Hạnh.
2. Liệt sĩ Trần Văn Tư, hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, tại chiến trường Bình Giã.
3. Liệt sĩ Trần Văn Năm, hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, tại Láng Le, bàu Cò xã Tân Nhựt - Huyện Bình Chánh.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia phong trào đấu tranh chính trị, tiếp tế lương thực, thuốc men cho cách mạng. ngoài ra, Mẹ còn làm công tác giao liên, đào hầm nuôi giấu cán bộ trong suốt 2 thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 63/1 Ấp 1, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Trần Văn Cúc - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

22. Nguyễn Thị Bén (1910 - 1935)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Đức, hy sinh năm 1946.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Dương, hy sinh năm 1947.
3. Liệt sĩ Phạm Văn Trần, hy sinh năm 1961.

Thông tin về Mẹ: Ngay những ngày đầu của Nam Kỳ khởi nghĩa Mẹ cùng chồng là những chiến sĩ hoạt động cách mạng tại địa phương, làm công tác hậu cần, tiếp tế lương thực cho bộ đội, tham gia các phong trào đấu tranh chính trị tại địa phương. Ngoài ra Mẹ còn đào hầm trước vườn nhà để nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Khi con đầu trưởng thành Mẹ đã vận động con tham gia cách mạng. Nhưng năm 1935, Mẹ bị bệnh và mất khi tuổi đời còn rất trẻ.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 69/2 Ấp 4, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phạm Văn Miễn - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

23. Nguyễn Thị Nối (1910 - 1967)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thiệt, sinh năm 1932, hy sinh ngày 21/7/1966.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hòa, hy sinh ngày 05/5/1968.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Rỡ, hy sinh tháng 12/1967.

Thông tin về Mẹ: Mẹ có 9 người con, trong đó có 3 con là Liệt sĩ. Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Mẹ đào hầm nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Khi giặc ra lệnh động viên, bắt quân dịch Mẹ không chần chừ, vội vã và đưa từng người con lần lượt ra chiến khu, đó là năm 1963. Khi biết mình sức mỗi lực mòn, Mẹ đã nhắn nhủ như là lời trăng trối rằng: “Nếu các con của Mẹ một mai có hy sinh cho cách mạng, là chết vì đại cuộc, vì lòng yêu nước thì Mẹ rất an lòng ra đi”. Gia đình Mẹ được cấp nhà tình nghĩa.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 31/4 Ấp 1, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Nở - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

24. Lê Thị Đồ (1917 - 1982)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: 1/3A, ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Tùng, sinh năm 1950, hy sinh năm 1968.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Lý, sinh năm 1946, hy sinh năm 1968.
3. Liệt sĩ Phạm Văn Đực, sinh năm 1935, hy sinh năm 1961.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia cách mạng và từng bị địch bắt giam 5 năm, đồng thời bị giặc tra tấn rất dã man nhưng Mẹ vẫn không một lời khai báo.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 1/3A, Ấp 5, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Nhã - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

25. Lê Thị Mai (1909 - 1986)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: 17/3 ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 02 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Nguyễn Văn Thấy, sinh năm 1905, hy sinh năm 1946.
2. Con, Liệt sĩ Nguyễn Văn Vèn, sinh năm 1927, hy sinh năm 1946.
3. Con, Liệt sĩ Nguyễn Văn Sết, sinh năm 1935, hy sinh năm 1962.

Thông tin về Mẹ: Mẹ có 7 con (4 trai, 3 gái) trong đó có 2 con là Liệt sĩ. Trong kháng chiến những năm 1945-1954. Mẹ đào hầm bí mật ngoài bờ tre cạnh nhà, để nuôi giấu cán bộ, du kích, và bộ đội địa phương, Ngoài ra, Mẹ tích cực tham gia các phong trào cách mạng cho đến ngày giải phóng đất nước.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 17/3 Ấp 1, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Chí Sinh - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

26. Hà Thị Thảng (1901 - 1946)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 02 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Nguyễn Văn Quýt, hy sinh năm 1962.
2. Con, Liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng, hy sinh năm 1950.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia Ban chấp hành Hội phụ nữ xã Tân Thới Nhất, hoạt động cách mạng cùng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai. Nhà Mẹ là cơ sở nuôi giấu cán bộ. Năm 1946, Mẹ bị giặc bắt lúc đang đi công tác và bị xử bắn tại Cầu Lớn xã Xuân Thới Thượng.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 88/6 ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Văn Quang - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

27. Nguyễn Thị Bảy (1917 - 2012)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Mẹ có 04 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chiến.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thị Phạm Phương.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bảy.
4. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chánh

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 17/2 Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Bà Nguyễn Thị Mười - con gái

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

28. Cao Thị Cách (1915 - 1983)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Võ Văn Bộ, hy sinh năm 1947.
2. Con, Liệt sĩ Võ Văn Mạng hy sinh năm 1967.
3. Con, Liệt sĩ Võ Văn Mến, hy sinh năm 1972.

Thông tin về Mẹ: Sinh thời, Mẹ làm rẫy để sinh sống và nuôi con. Trong kháng chiến, Mẹ làm công tác giao liên. Thời gian cơ sở bị lộ, Mẹ phải chuyển về Bình Dương hoạt động. Mẹ từng bị giặc bắt và tra tấn dã man, nhưng Mẹ vẫn một lòng trung kiên với cách mạng. Không khai thác được thông tin, chúng đánh trả tự do cho Mẹ.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 117/5 Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Võ Văn Nữ - cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

29. Trần Thị Cát (1922 - 2009)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là liệt sĩ Lê Văn Phát, hy sinh năm 1968.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là cơ sở nuôi giấu cán bộ.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 48/6A Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thành Trung - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

30. Phạm Thị Hy (1903 - 1984)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ: Trần Văn Tiên, chiến sĩ, hy sinh tháng 12/1964.

Thông tin về Mẹ: Mẹ tham gia cách mạng thời chống Pháp. Chồng Mẹ là ông Trần Văn Nhữ.

Quyết định truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Vào sổ số 72, năm 1995 của Chủ tịch nước.

Địa chỉ thờ cúng: 57/2 Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Trần Văn Chánh - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

31. Đặng Thị Tám (1885 - 1979)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 04 người con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hồ Văn Sùng, hy sinh năm 1954
2. Liệt sĩ Hồ Văn Lính, hy sinh năm 1948

3. Liệt sĩ Hồ Văn Bếp, hy sinh năm 1948

4. Liệt sĩ Hồ Thị Năm, hy sinh năm 1949

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, nhà Mẹ là cơ sở nuôi giấu cán bộ.

Quyết định truy tặng số QĐ 288 KT/CTN, ngày 14/7/2000.

Địa chỉ thờ cúng: 60/5 Ấp Nam Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Hồ Văn Sơn - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

32. Võ Thị Lùng (1922 - 1959)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ là liệt sĩ.

Mẹ có 02 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Lê Văn Xuân, sinh năm 1917, tham gia kháng chiến năm 1945, hy sinh năm 1947.

2. Con, Liệt sĩ Lê Văn Thép, sinh năm 1945, tham gia kháng chiến năm 1960, hy sinh năm 1969.

Thông tin về Mẹ: Trước cách mạng Tháng 8 năm 1945, Mẹ cùng chồng tham gia nhiều cuộc biểu tình, đấu tranh đòi độc lập. Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, Mẹ cùng chồng về sinh sống tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi. Mẹ tham gia đoàn văn công giải phóng và làm nhiệm vụ cáng thương, tải đạn cho đơn vị quân giải phóng ở xã Bình Mỹ, làm giao liên từ Bình Mỹ về Hóc Môn. Năm 1959, trong trận tấn công của quân giải phóng vào đồn giặc ở xã Bình Mỹ, Mẹ đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ chuyển thương binh về tuyến sau.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 1/42 Ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Lê Thị Vân - Cháu ngoại

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

33. Nguyễn Thị Be (1920 - 1982)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ:

1. Nguyễn Văn Bé, sinh năm 1947, hy sinh năm 1968.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ làm cán bộ giao liên từ năm 1947 đến năm 1970. Trong Chiến dịch Mậu Thân (1968), nhà Mẹ là nơi chứa gạo, lương thực, băng cứu thương, thuốc men để chuẩn bị cho chiến dịch.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 7/27 Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Đặng Văn Lăng – Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

34. Nguyễn Thị Chôn (1915 - không rõ năm mất)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ:

1. Mai Văn Phẩm, tham gia kháng chiến năm 1959, hy sinh năm 1968 tại Củ Chi.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là cơ sở nuôi giấu cán bộ. Bản thân Mẹ tham gia công tác giao liên.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 361/69/54 Ấp 6, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Mai Văn Công - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

35. Nguyễn Thị Dế (1903 - 1982)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ:

1. Nguyễn Văn Lỗi (Tự Lập), phụ trách Ban kinh tài Xã Bình Mỹ, Huyện Hóc Môn, hy sinh năm 1952.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, gia đình Mẹ tham gia tiếp tế lương thực, che giấu cán bộ. Khi con hy sinh, Mẹ sống với người cháu, gọi Mẹ bằng Dì.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994

Địa chỉ thờ cúng: Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Nha - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

36. Nguyễn Thị Tạo (Không rõ năm sinh - năm mất)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Tô Nếp.
2. Liệt sĩ Tô Thanh.
3. Liệt sĩ Tô Đậu.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 5 người con, 4 trai, 1 gái, Gia đình Mẹ sống trong vùng chiến khu. Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu, tiếp tế lương thực cho bộ đội.

Quyết định truy tặng số QĐ 44/2002/QĐ/CTN, ngày 17/01/2002.

Địa chỉ thờ cúng: Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Tô Văn Vũ - Cháu cố.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

37. Phạm Thị Tôm (1921 - 2004)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: 3/3 ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Phan Văn Danh, hy sinh năm 1950.
2. Con, Liệt sĩ Phan Văn Lợi, sinh năm 1940, hy sinh năm 1967.
3. Con, Liệt sĩ Phan Văn Xấu, sinh năm 1942, hy sinh năm 1968.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu, tiếp tế lương thực cho bộ đội và làm công tác giao liên.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 2/26 Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phạm Thị Quý - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

38. Nguyễn Thị Đẹt (1927 - 2004)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có chồng và 01 con trai duy nhất là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Lê Văn Hòa, hy sinh năm 1960.
2. Con, Liệt sĩ Nguyễn Văn Ngọc, hy sinh tháng 12/1969.

Các thông tin về Mẹ: Mẹ xuất thân từ gia đình nông dân nghèo tại Xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi. Lúc nhỏ, Mẹ phải làm thuê cho địa chủ. Năm 1948, Mẹ thoát ly tham gia cách mạng, làm cán bộ phụ nữ kiêm Đại đội trưởng dân quân tự vệ xã Tân Thới Hiệp, Huyện Hóc Môn. Năm 1949, Mẹ chuyển sang đơn vị Quyết Tử 950, thuộc bộ đội chủ lực miền, làm giao liên từ căn cứ An Thành, An Nhơn Tây (Củ Chi) về Gò Vấp, Gia Định. Năm 1962, Mẹ bị giặc bắt giam ở bót Catina. nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa). Đến năm 1973, Mẹ được trả tự do, ở trong tù Mẹ bị giặc tra tấn hết sức dã man, nên sức khỏe Mẹ rất yếu. Đến năm 1975, Mẹ tiếp tục tham gia công tác Hội phụ nữ xã, làm tổ trưởng tổ nhân dân.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 5/22 Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Văn Thị - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

39. Huỳnh Thị Xe (1920 - 1954)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ: Bùi Văn Trọt, sinh năm 1948, hy sinh tại Xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi vào tháng 12/1967.

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia phong trào Việt Minh. Chồng Mẹ là ông Bùi Văn Dương.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994

Địa chỉ thờ cúng: 54/2A Ấp 1, Xã Nhị Bình, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Huỳnh Văn Bé - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

40. Lê Thị Ri (1908 - 1943)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con duy nhất là Liệt sĩ:

1. Lê Văn Hồ, sinh năm 1931, tham gia cách mạng cuối năm 1945, tiểu đội phó đơn vị chi đội 12 Hóc Môn, hy sinh trên đường đi công tác từ chiến khu trở về Hóc Môn năm 1949.

Thông tin về Mẹ: Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, gia đình Mẹ là nơi hội họp và trú ẩn của các cấp lãnh đạo địa phương, của Xứ ủy Nam kỳ, vì vậy Mẹ, phải thường xuyên sắp xếp, tổ chức ăn, ở, hội họp, giữ gìn bí mật, bảo vệ, theo dõi tình hình hoạt động của giặc. Ngoài ra, Mẹ còn tham gia tích cực các phong trào đấu tranh chính trị đòi thực dân Pháp giảm thuế... Sau khi Mẹ mất, gia đình Mẹ vẫn làm cơ sở cho cách mạng hoạt động, chị Phạm Thị Trích - cháu gái của Mẹ tiếp tục che chở, nuôi giấu các cán bộ, chiến sĩ từ chiến khu về hoạt động, vào những năm 1966 - 1968.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 21/3 Khu phố 2, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phạm Thị Trích - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

41. Lê Thị Tam (1912 - 1945)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp Bàu Chảo, xã Tân Thới Nhì, thị Trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Đỗ Văn Nhị, hy sinh ngày 19/5/1951.

2. Con, Liệt sĩ Đỗ Văn Ê, hy sinh năm 1953.

3. Con, Liệt sĩ Đỗ Văn Ép, sinh năm 1933, hy sinh ngày 05/3/1954.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 3 người con, trong đó có 2 người là Liệt sĩ. Năm 1940, Mẹ cùng chồng tham gia phong trào khởi nghĩa tại địa phương. Những năm sau, chồng Mẹ thoát ly tham gia kháng chiến, Mẹ ở nhà làm cơ sở móc nối đưa cán bộ về công tác tại địa phương và vận động bà con ủng hộ tiền, gạo... cho cách mạng. Gia đình Mẹ từng cho đội Thanh niên Tiền phong mượn nhà để làm trụ sở.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 77/1B Đường Bà Triệu, Khu phố 1, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Đỗ Thị Anh - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

42. Phùng Thị Chuyện (1903 - 1976)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ gồm:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thâu, sinh năm 1931, hy sinh năm 1968.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Công, sinh năm 1941, hy sinh ngày 4/5/1966.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phương, sinh năm 1938, hy sinh ngày 18/6/1964.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 8 người con (6 trai, 2 gái). Bảy người con của Mẹ đều tham gia bộ đội. Sinh thời, Mẹ ở nhà làm nghề tráng bánh. Trong kháng chiến, Mẹ cùng chồng đào hầm nuôi giấu cán bộ và làm cơ sở để lực lượng mật sinh hoạt, hội họp, làm liên lạc, móc nối dẫn đường lên chiến khu tòng quân. Chồng Mẹ đã hy sinh trong lần chuyển thương, tải đạn trong cuộc tấn công vào Sài Gòn, Xuân Mậu Thân năm 1968.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994

Địa chỉ thờ cúng: 25/10 Ấp Thới Tứ, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Bà Nguyễn Thị Chăng - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

43. Nguyễn Thị Nghé (1906 - 1937)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ngân, sinh năm 1936, hy sinh ngày 10/5/1965.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chân, sinh năm 1932, hy sinh ngày 17/3/1962.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bùi, sinh năm 1934, hy sinh ngày 11/6/1965.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 5 người con (3 trai, 2 gái), trong đó có 3 người là liệt sĩ. Tính tình Mẹ hiền lành, tảo tần với nghề bán thóc, kiếm tiền để

nuôi con. Mẹ bị bệnh và mất khi mới 31 tuổi. Trong kháng chiến, Mẹ tham gia tiếp tế lương thực, thuốc men cho bộ đội.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 22/1 Ấp Thới Tư, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Ân - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

44. Hồ Thị Đò (1898 - 1990)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 05 người thân là Liệt sĩ gồm:

1. Con, Liệt sĩ Lê Văn Xây, sinh năm 1920, hy sinh năm 1948.
2. Con, Liệt sĩ Lê Văn Ngang, sinh năm 1922, hy sinh năm 1948.
3. Con, Liệt sĩ Lê Văn Luông, sinh năm 1932, hy sinh ngày 19/8/1951.
4. Con, Liệt sĩ Lê Văn Phương, sinh năm 1937, hy sinh ngày 21/7/1961.
5. Con rể, Liệt sĩ Lê Văn Thi, hy sinh ngày 25/1/1953.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 8 con (5 trai, 3 gái). Trong kháng chiến, nhà Mẹ đào hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Trong gia đình, Mẹ và 03 con dâu từng bị giặc bắt vì chúng nghi ngờ gia đình nuôi giấu cán bộ và có người tham gia cách mạng như Chị Lê Thị Được - vợ liệt sĩ Lê Văn Thi; Chị Xì Phùng - vợ liệt sĩ Lê Văn Phương và Chị Phạm Minh Nguyệt (tên thật là Lê Thị Việt).

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 27/1 Ấp Mỹ Huê, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Phạm Minh Nguyệt - Con gái.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

45. Trần Thị Đùng (1922 - 1961)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hứa Văn Đắc, sinh năm 1942, hy sinh tháng 12/1962.
2. Liệt sĩ Hứa Văn Bê, sinh năm 1948, hy sinh tháng 12/1969.

3. Liệt sĩ Hứa Văn Huế, sinh năm 1944, hy sinh ngày 5/01/1968.

Thông tin về Mẹ: Mẹ có 10 người con, trong đó có 3 người là liệt sĩ. Sinh thời, Mẹ làm ruộng để nuôi con. Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ. Mẹ từng bị giặc bắt, tra tấn, sau khi được trả tự do, Mẹ tiếp tục hoạt động cách mạng cho đến ngày mất.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 5/2 Ấp Xuân Thới Đông 1, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Võ Thị Gái - Con dâu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

46. Phạm Thị Mặn (1893 - 1975)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 04 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Hứa Văn Chôm, sinh năm 1891, hy sinh năm 1940.
2. Con, Liệt sĩ Hứa Văn Tấn, sinh năm 1922, hy sinh ngày 29/6/1947.
3. Con, Liệt sĩ Hứa Văn Cá, sinh năm 1933.
4. Con, Liệt sĩ Hứa Văn Cải, sinh năm 1929.

Thông tin về Mẹ: Mẹ có 8 người con, trong đó có 3 người là liệt sĩ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ, vận động bà con tiếp tế lương thực. Trong phong trào đấu tranh chính trị tại địa phương, Mẹ nấu bánh ít, bánh tét ủng hộ cho các đoàn biểu tình của quần chúng do ông Hứa Văn Chôm (chồng của Mẹ) dẫn đầu. Trong kháng chiến chống Mỹ, Mẹ tiếp tục nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ và tham gia nhiều cuộc đấu tranh biểu tình đòi phá ấp chiến lược, đòi trả tự do cho con em xã nhà bị bắt đi lính... Năm 1963, Mẹ bị giặc bắt giam 1 tháng tại huyện Hóc Môn.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 2/2 Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Hứa Văn Bẹ - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

47. Lê Thị My (1879 - 1942)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 người con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thị Thử.

Quyết định truy tặng số QĐ 841 KT/CTN, ngày 24/4/1996.

Địa chỉ thờ cúng: 18/7 Ấp Xuân Thới Đông 1, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Võ Thị Út - Cháu ngoại.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

48. Lê Thị Sẻ (1901 - 1933)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 02 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Văn Lê, Công an huyện Hóc Môn, hy sinh trong lúc đi công tác, bị địch phục kích bắn chết tại vườn điều xã Xuân Thới Sơn vào ngày 10/3/1948.

2. Liệt sĩ Lê Văn Mương, Công an huyện Hóc Môn, hy sinh trong lúc đi công tác ngày 5/1/1950.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh sống bằng nghề trồng trầu, hái trầu và đan giỏ. Mẹ lấy chồng về ở làng Tân Thới Nhì và sinh được người con đầu là anh Lê Văn Lê, khi con được 3 tuổi, gia đình chồng gặp nhiều khó khăn, nên Mẹ phải trở về làng cũ (Xã Xuân Thới Sơn). Đến khi Mẹ sinh anh Lê Văn Mương được 1 tháng, thì Mẹ bị bệnh mất. Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là nơi nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng.

Quyết định truy tặng số QĐ 438 KT/CTN, ngày 24/4/1995.

Địa chỉ thờ cúng: 23/2 Ấp 2, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Trương Thị Ngợi - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

49. Lý Thị Nê (1924 - 2008)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh.

Mẹ có 01 con trai duy nhất là Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dân, sinh năm 1946, hy sinh năm 1966.

Thông tin về Mẹ: Chồng Mẹ hy sinh lúc Mẹ mới 22 tuổi, lúc còn mang thai anh Nguyễn Văn Dân được 7 tháng, Mẹ ở vậy, một mình nuôi con. Khi con lớn Mẹ vận động con tham gia đội du kích Xuân Thới Thượng. Ngoài ra, Mẹ còn làm công tác giao liên và tiếp tế lương thực, thực phẩm cho con và các anh em du kích. Khi anh Dân hy sinh, Mẹ đến để lấy xác con về chôn cất thì thấy thi hài anh bị địch cắt cổ và lấy đi một cái tai.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 39/4 Ấp 4, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Đặng Thị Gàn - Cháu dâu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

50. Trần Thị Nờ (1914 - 1997)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Hồ Văn Tụng, sinh năm 1913, hy sinh ngày 01/8/1947.
2. Con, Liệt sĩ Hồ Văn Thành, sinh năm 1934, hy sinh ngày 05/02/1965.
3. Con, Liệt sĩ Hồ Văn Lũy, sinh năm 1936, hy sinh ngày 28/8/1968.

Thông tin về Mẹ: Nhà nghèo Mẹ phải đi làm thuê, làm mướn để nuôi con và động viên chồng tham gia cách mạng. Đồng thời, Mẹ gom góp tiền bạc, lương thực ủng hộ kháng chiến, giặc phát hiện bắt Mẹ đánh đập rất dã man. Gia đình Mẹ được xây nhà tình nghĩa.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 17/4A, Ấp 1, Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Hồ Minh Nhật - Cháu nội.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

51. Nguyễn Thị Ra (1901 - 1966)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Huỳnh Văn Mạnh, sinh năm 1920, năm hy sinh (không có thông tin).

2. Liệt sĩ Huỳnh Văn Cẩn, sinh năm 1921, hy sinh năm 1949.

3. Liệt sĩ Huỳnh Văn Thắng, sinh năm 1925, hy sinh năm 1950.

Thông tin về Mẹ: Con của Mẹ là Anh Huỳnh Văn Phan - Cũng tham gia cách mạng hy sinh nhưng chưa được công nhận là liệt sĩ. Mẹ sinh được 6 người con (3 trai, 3 gái). Trong kháng chiến, Mẹ trực tiếp đào hầm, nuôi giấu cán bộ trong nhà. Mẹ động viên các con lên đường chiến đấu cho tổ quốc mau hòa bình. Địch biết gia đình Mẹ nuôi giấu cán bộ và có con tham gia cách mạng, nên giặc đã bắt Mẹ tra tấn, đánh đập rất dã man, Mẹ chết đi sống lại nhiều lần, nhưng vẫn giữ vững lòng kiên trung với cách mạng. Ngày nhật tin con hy sinh Mẹ buồn vô hạn, thường ra mộ con ngồi khóc một mình. Mẹ lâm bệnh và qua đời năm 1966.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 21/3A, Ấp 1, Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Thị Út - Cháu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

52. Huỳnh Thị Thiệu (1916 - 1997)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: 22/1A ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Nguyễn Văn Bảy, sinh năm 1916, hy sinh ngày 01/6/1963.

2. Con, Liệt sĩ Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1941, trung đội trưởng du kích xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, hy sinh ngày 19/3/1966.

3. Con, Liệt sĩ Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1949, hy sinh ngày 01/4/1968.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Quyết định phong tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 22/1A Ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Nguyễn Văn Mỹ - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

53. Nguyễn Thị Tiểu (1908 - 1970)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Ấp 3, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.

Mẹ có 04 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Lo.
2. Liệt sĩ Trần Văn Lọt.
3. Liệt sĩ Trần Văn Gắt.
4. Liệt sĩ Trần Văn Gao, hy sinh năm không có thông tin

Thông tin về Mẹ: Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ, tiếp tế lương thực, thuốc men cho cách mạng

Quyết định truy tặng số QĐ 925/2006/QĐ/CTN, ngày 18/6/2006.

Địa chỉ thờ cúng: 52/3 Tổ 13, Ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Trần Thị Cung - Con.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

54. Nguyễn Thị Ai (1900 - 1956)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ:

1. Chồng, Liệt sĩ Phạm Văn Dậu, sinh năm 1901, năm hy sinh (Không có thông tin)
2. Con, Liệt sĩ Phạm Văn Đức, sinh năm 1926, hy sinh năm 1949.
3. Con, Liệt sĩ Phạm Văn Bầu, sinh năm 1922, hy sinh tháng 9/1952.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh được 4 người con, trong đó có 2 người là Liệt sĩ. Trong kháng chiến, Mẹ từng tham gia nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Mẹ sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: 22/3 Ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Lê Thị Mười - Con dâu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

55. Nguyễn Thị Chuôi (1897 - 1980)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 02 con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Võ Văn Keng, sinh năm 1924, hy sinh tháng 6/1950.

2. Liệt sĩ Văn Công Nhật, sinh năm 1932, hy sinh ngày 31/5/1968.

Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh ra trong gia đình làm ruộng. Năm 1940, Mẹ thoát ly tham gia cách mạng. Trong kháng chiến chống Pháp, gia đình Mẹ là cơ sở hoạt động của cánh mạng, trong nhà có hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ, Đảng viên của xã. Những năm 1950 -1953, Pháp đóng quân ở xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, chúng thường xuyên bắn phá vào ấp Xuân Thới Đông, Mẹ cùng bà con biểu tình đấu tranh chống địch bắn phá bừa bãi vào xóm làng, giết hại dân lành... Trong kháng chiến chống Mỹ, Mẹ tham gia trong phong trào diệt ác, phá kềm, hướng dẫn lực lượng võ trang tiêu diệt những tên ác ôn, có nhiều nợ máu với nhân dân. Những năm 1954 -1965, Mẹ tham gia vào phong trào phá ấp chiến lược.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Địa chỉ thờ cúng: Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn.

Người thờ cúng: Bà Huỳnh Thị Út - Con dâu.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng Thành phố theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

B. TÓM TẮT TIỂU SỬ CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH LÝ TRÌNH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 7 VÀ QUẬN 12

I. QUẬN 7

1. Bế Văn Cầm (Không rõ năm sinh - 1967)

Bế Văn Cầm, Liệt sĩ, Anh hùng Quân đội nhân dân Việt Nam, người dân tộc thiểu số, không rõ năm sinh, mất năm 1967. Ông là chiến sĩ của Trung đoàn 14. Trong rừng miền Đông Nam Bộ từ cuối năm 1967, ông từng tham gia những trận đánh ở Bình Long, ở Tây Ninh. Ông có biệt tài sử dụng khẩu súng chống xe tăng B41, đã triệt hạ được những lô cốt nguy hiểm của địch, diệt ba xe bọc thép địch ngay trong sân bay Cà Tum. Trong một trận phục kích quân địch đổ bộ bằng đường không, ông đã diệt quân địch bằng một quả đạn B41. Khẩu súng chống tăng của ông sau này đã lần lượt giao cho Nguyễn Văn Côi và Đỗ Đức Phòng, tung hoành hiên hách trên khắp mặt trận.

Đường Bế Văn Cầm được đặt tên theo Quyết định số 14/2000/QĐ-UB-VX ngày 07 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Hoàng Trọng Mậu (1874 - 1916)

Chí sĩ cách mạng.

Tên thật: Nguyễn Đức Công.

Quê quán: Xã Cẩm Trường, tổng Kim Nguyên, nay là xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Sự nghiệp hoạt động: Ông tham gia phong trào Đông du từ rất sớm. Năm 1908, ông sang Nhật học trường Đông Á Đồng Văn thư viện tại Tokyo. Ông là người làm ghi chú và viết lời tựa cho cuốn "*Việt Nam quốc sử khảo*" của Phan Bội Châu.

Năm 1912, ông tham gia sáng lập Việt Nam Quang phục Hội, giữ chức Bí thư và Quân vụ Ủy viên (*Ủy viên phụ trách quân sự*). Hoàng Trọng Mậu cùng với Phan Bội Châu thảo "*Việt Nam Quang phục quân phương lược*" (*Chiến lược cách mạng của Việt Nam Quang phục quân*).

Tháng 3/1915, theo sự chỉ đạo của Phan Bội Châu, Hoàng Trọng Mậu chỉ huy cánh quân tấn công quân Pháp ở đồn Tà Lùng (*cửa khẩu ở huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng*), nhưng không thành. Ngày 05/5/1915, Vua Duy Tân ký một Sắc chỉ mật phong Hoàng Trọng Mậu làm Thống lĩnh tả quân kiêm Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Việt Nam.

Ngày 28/5/1915, trong khi đang ở Hương Cảng đợi tàu đi Thái Lan để tiếp tục hoạt động cách mạng, thì ông bị mật thám Pháp phát hiện và nhờ cảnh sát Anh bắt, sau đó chúng đưa ông về giam ở Hỏa Lò - Hà Nội.

Trong thời gian bị giam cầm tại nhà tù Hỏa Lò, bị giặc Pháp tra tấn dã man và dụ dỗ xảo quyệt, nhưng ông vẫn bền gan vững chí, không chịu khuất phục. Sau 8 tháng giam cầm tra tấn, kết hợp với dụ dỗ mua chuộc, thực dân Pháp không thể khuất phục được ý chí kiên cường của nhà chí sĩ yêu nước, ngày 24/01/1916, chúng đã đưa ông ra xử bắn tại trường bắn Bạch Mai.

Đường Hoàng Trọng Mậu được đặt tên theo Quyết định số 5629/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Đặng Đại Độ (Không rõ năm sinh, năm mất)

Đặng Đại Độ là Tuần phủ Gia Định dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765). Ông sinh ra trong một gia đình danh vọng ở làng Cư Triều, huyện Đăng Phong, phủ Quảng Bình (nay là làng Quảng Cư, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình). Sau khi đỗ khoa thi Hương, ông làm quan đến chức Ký lục doanh Bình Khang (1748), Ký lục doanh Quảng Nam (1761), Ký lục doanh Trấn Biên, nổi tiếng thanh liêm, chính trực có dũng khí, rất được người đời ngưỡng mộ. Bấy giờ có hai viên quan cậy thế là người hầu cận chúa Nguyễn vào Trấn Biên làm nhiều điều trái phép. Ông ra lệnh giết chúng rồi đi bộ ra Kinh đô chịu tội. Chúa Nguyễn không những không bắt tội ông mà còn phong ông làm Tuần phủ Gia Định, cho đi tuần hành năm phủ (từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận), được quyền thăng chức hay cách chức quan lại.

Đường Đặng Đại Độ được đặt tên theo Quyết định số 01/2002/QĐ-UB ngày 07 tháng 01 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Huỳnh Tấn Phát (1913 - 1989)

Huỳnh Tấn Phát (1913 - 1989), bí danh Sáu Phát, Tám Chí, kiến trúc sư, nhà hoạt động chính trị Việt Nam, là thân phụ của Huỳnh Lan Khanh. Quê xã Tân Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc Bến Tre). Tốt nghiệp ngành kiến trúc Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1938), hoạt động trong tổ chức Tổng hội Sinh viên Đông Dương và Hội Ái hữu Sinh viên Nam Kỳ. Chủ nhiệm tuần báo "*Thanh niên*" (1943). Tháng 3/1945, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, tham gia khởi nghĩa Sài Gòn (25/8/1945), làm Đại biểu Quốc hội khóa I (1/1946), được lưu nhiệm các khóa II và III. Đầu năm 1946, ông bị Pháp bắt ở Sài Gòn, năm 1947, được tự do sau đó làm Bí thư Đảng đoàn Nam Bộ Đảng Dân chủ. Năm 1949, ông là Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ kiêm Giám đốc Sở Thông tin Nam Bộ; sau làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đặc khu Sài Gòn, phụ trách Đài Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn tự do (ở Chiến khu Đ) đến 1954. Cuối 1957, ông là Ủy viên Thành ủy Sài Gòn. Thành viên Ủy ban Trung ương lâm thời Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam (12/1960). Từ 1962, ông là Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận kiêm chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Ông là Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (6/1969), là đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII, Phó thủ tướng Chính phủ (1976 - 1981), từ 1979, kiêm chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước, đại diện thường trực của Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hội đồng tương trợ kinh tế, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng từ 1981, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1983), Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam (Đại hội III). Ông đã từng chỉ đạo và tham gia nghiên cứu sáng tác nhiều công trình lớn ở Hà Nội như Cung thiếu nhi, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Nhà ga sân bay quốc tế Nội Bài, trưởng ban chỉ đạo kiêm chủ nhiệm Đồ án hoạch chung Hà Nội, Huân chương Hồ Chí Minh, huy chương "Vì sự nghiệp đại đoàn kết", giải thưởng Hồ Chí Minh về kiến trúc (1996).

Đường Huỳnh Tấn Phát được đặt tên đường theo Quyết định số 14/2000/QĐ-UBND-VX ngày 07 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Võ Thị Nhờ (1905 - 2003)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng

Quê quán: Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.

Mẹ có 4 người con là Liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Trường, Trung đội trưởng bộ đội huyện, hy sinh ngày 8/6/1966 tại Hiệp Phước, đến nay chưa tìm thấy mộ.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thiện, Thượng sĩ bộ đội huyện, hy sinh ngày 8/6/1966, đến nay chưa tìm thấy mộ.

3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tồn, Ủy viên Ủy ban kháng chiến huyện, hy sinh năm 1949, đến nay chưa tìm thấy mộ.

4. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vĩnh, bí thư chi bộ Đảng xã Tân Thuận, hy sinh ngày 10/7/1960 tại ấp 3, xã Tân Thuận.

Thông tin về Mẹ : Mẹ có 7 người con trong đó 4 người tham gia kháng chiến và đã hy sinh. Trong kháng chiến, gia đình Mẹ là cơ sở nuôi giấu cán bộ cách mạng ở xã Tân Thuận. Mẹ là hội viên Hội Mẹ chiến sĩ.

Quyết định phong tặng số QĐ 43/2002/QĐ/CTN ngày 17/1/2002.

Địa chỉ thờ cúng: 25/1, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7

Người thờ cúng: Ông Nguyễn Văn Nhơn - Con.

Đường Võ Thị Nhờ được đặt tên đường theo Quyết định số 5629/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Trần Trọng Cung (1860 - 1909)

Trần Trọng Cung là nhà yêu nước, quê làng Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Năm 1908, ông bị bắt vì bị tình nghi có liên quan đến vụ đầu độc Hà Thành, bị Pháp đày đi Côn Đảo. Trong tù ông sáng tác một bài thơ rất khảng khái. Bản dịch của bài thơ ấy như sau:

*Xe nam đi lại vắng tin hồng,
Đường thẽ quanh co giận chứa thông.
Người có đông lòng thêm khảng khái,
Võ không lựa đất khóc anh hùng
Mạnh Tân giặt giúp chờ mưa bắc,
Xích Bích giương buồm thiếu gió đông.
Ắt hẳn lòng trời phò tổ quốc,
Hòa bình thôi đó giữa tầng không.*

Năm sau 1909, Huỳnh Thúc Kháng cảm khái tặng một bài thơ mừng ông thọ 50 tuổi (mà cụ tự nhận là bài thơ đắc ý nhất). Trong tù ông bị hành hạ và mất tại đây. Ông là tác giả sách Uyên giám loại hàm lược biên.

Đường Trần Trọng Cung được đặt tên đường theo Quyết định số 14/2000/QĐ-UBND-VX ngày 07 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

II. QUẬN 12

1. Nguyễn Thị Nhuận (1905 - không rõ năm mất)

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quê quán: Xã An Phú Đông, huyện Hóc Môn.

Mẹ có 01 con trai duy nhất là Liệt sĩ (Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhiều, nhân viên Ty Công an, hy sinh 1950).

Mẹ ở nhà làm vườn, trồng trầu, cau. Trong kháng chiến, Mẹ tham gia nuôi giấu cán bộ, tiếp tế lương thực cho cách mạng.

Đường Nguyễn Thị Nhuận được đặt tên theo Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố./.

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
- CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG ĐẶT, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG

